

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: 55/2022/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Châu Thành, ngày 09 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ph;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh V;

2. Bà Trần Thị Ph;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Tr, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện; không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Long là Luật sư Võ Thành N, Văn phòng Luật sư Võ Thành N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L là Luật sư Đặng Hồng Đ, Văn phòng Luật sư Đặng Hồng Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

3.1/ Bà Huỳnh Thị Kim Th, sinh năm 1969 (là vợ ông L)

3.2/ Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989 (là con ông L)

3.3/ Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2000 (là con ông L)

3.4/ Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1991 (là con ông L)

3.5/ Nguyễn Gia H, sinh năm 2002 (là cháu ngoại ông L)

3.6/ Nguyễn Huỳnh Gi, sinh năm 2013 (là cháu ngoại ông L)

Người đại diện hợp pháp của cháu H và cháu Gi là chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989

3.7/ Nguyễn Duy Kh, sinh năm 2014 (là con anh H)

3.8/ Nguyễn Duy Kh, sinh năm 2019 (là con anh H)

Người đại diện hợp pháp của cháu Kh và Kh là anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

3.9/ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1957 (là vợ ông Đ)

3.10/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 (là con ông Đ)

3.11/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 (là con ông Đ)

3.12/ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981 (là con ông Đ)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

3.13/ Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 27/2 ấp T, xã T, Tp. S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 - Hộ ông Nguyễn Văn Đ, gồm ông Đ bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất theo thỏa thuận miệng năm 1995 đối với diện tích 399,4m² một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 16, vị trí các mốc 1,2,3,4,15,14,1 và diện tích 184,7m² thuộc một phần thửa đất số 143, tờ bản đồ số 16, vị trí các mốc 4,5,17,16,15,4, theo sơ đồ đo đạc ngày 21/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành cho hộ ông Nguyễn Thành L, gồm ông L, bà Huỳnh Thị Kim Th, chị Nguyễn Thị Kim T, chị Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Tấn H toàn quyền quản lý, sử dụng. *(có biên bản xem xét thẩm định và sơ đồ đo đạc ngày 21/6/2022 kèm theo)*

2.2 - Hộ ông Nguyễn Thành L giao trả cho hộ ông Nguyễn Văn Đ phần đất diện tích 331,3m², thuộc một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 16 vị trí các mốc 8,9,14,15,8 và diện tích 844,5m² thuộc một phần thửa đất số 143, tờ bản đồ số 16, vị trí các mốc 6,7,8,15,16,17,6 theo sơ đồ đo đạc ngày 21/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, các thửa đất này do hộ ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Các công trình kiến trúc cây trồng trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của ai thì người đó có trách nhiệm tự tháo dỡ di dời.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký, chỉnh sửa Quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

- Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật *(đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Ông L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng ông L đã nộp theo biên lai thu số 0013330 ngày 03/4/2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành. Như vậy ông L được nhận lại 2.700.000 đồng.

2.6. Về chi phí tố tụng khác:

- Lệ phí định giá là 600.000 đồng và chi phí đo đạc là 3.111.570 đồng đồng, ông L đồng ý chịu toàn bộ. Ông L đã nộp và đã chi xong. Chi phí xem xét thẩm định là 200.000 đồng, ông Đ đồng ý nộp 200.000 đồng, ông Đ đã nộp và đã chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Viện kiểm sát nhân dân H. Châu Thành(1);
- Chi cục Thi hành án DS. H Châu Thành(1);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ VADS(1);
- Lưu Văn thư (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Phong